

QUAN ĐIỂM CỦA THEODORE ADORNO VÀ MAX HORKHEIMER VỀ “CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA” QUA TÁC PHẨM *BIỆN CHỨNG CỦA KHAI SÁNG*

Nguyễn Thị Phương Mai (*)

(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phuongmai.iop@gmail.com

Tóm tắt: Những điều kiện chính trị, văn hóa và phát triển khoa học - kỹ thuật đầu thế kỷ XX tác động mạnh mẽ đến cuộc sống xã hội nhiều nước trên thế giới. Trong bối cảnh đó, việc ứng dụng những kết quả của khoa học - kỹ thuật vào đời sống có những bước thay đổi rõ rệt, không chỉ góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của con người, mà còn kéo theo những tác động không mong muốn đối với sự tồn tại và phát triển của con người. Những điều này đã được Adorno và Horkheimer chỉ ra trong tác phẩm *Biện chứng của khai sáng* với quan điểm cụ thể về “ngành công nghiệp văn hóa”. Bài viết tập trung làm rõ các điều kiện chính trị - xã hội giai đoạn lịch sử đầu thế kỷ XX ở Đức và Mỹ, đồng thời phân tích cơ sở lý luận dẫn đến việc hình thành quan điểm về ngành công nghiệp văn hóa của Adorno và Horkheimer; từ đó, đưa ra những nhận định và đánh giá về quan điểm này trên cơ sở những biểu hiện được đề cập đến trong tác phẩm cũng như những tác động đến xã hội đương thời của công nghiệp văn hóa.

Từ khóa: công nghiệp văn hóa, Adorno, Horkheimer.

Ngày nhận bài: 11/03/2025; ngày phản biện: 12/03/2025; ngày sửa chữa: 10/04/2025; ngày duyệt đăng: 10/06/2025.

1. Mở đầu

Định hướng phát triển công nghiệp văn hóa của Việt Nam trong những năm qua đã đạt được một số kết quả nhất định. Dù vậy, cùng với sự phát triển và ứng dụng ngày càng mạnh mẽ và nhanh chóng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào lĩnh vực văn hóa, những nguy cơ tiềm ẩn gây tổn hại đến văn hóa, xã hội hay với chính con người cũng ngày một nhiều hơn. Để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, phát biểu trong *Hội nghị văn hóa toàn quốc* ngày 24/11/2021

tại Hà Nội, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã yêu cầu phải tập trung thực hiện thật tốt 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ “làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh” (Nguyễn Phú Trọng 2021). Để có được những kết quả tích cực hơn trong tương lai, lĩnh vực văn hóa nói chung và các ngành công nghiệp văn hóa nói riêng cần có cách tiếp cận và đánh giá

mang tính đa chiều. Trong đó, góc nhìn lý luận từ lịch sử không chỉ giúp nhận diện những vấn đề đã từng xuất hiện, mà còn chỉ ra những bài học cho hiện tại và định hướng cho tương lai.

Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Nó không chỉ tác động đến suy nghĩ, nhận định, đánh giá và mong muốn của con người, mà còn làm thay đổi và nảy sinh những vấn đề xã hội mới. Trong thực tế, mọi hiện tượng xã hội đều chịu sự chi phối, tác động của những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Cho nên, quá trình hình thành và vận động của một hiện tượng nào đó luôn chứa đựng những bài học có giá trị tham chiếu đối với hiện tại. Vấn đề của ngành công nghiệp văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Thuật ngữ “công nghiệp văn hóa” được Adorno và Horkheimer đưa ra và đề cập đến trong tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*, xuất bản năm 1944. Có lẽ, đây là tác phẩm đầu tiên sử dụng và đưa ra quan điểm về vấn đề này. Kể từ đó, nội hàm của thuật ngữ “công nghiệp văn hóa” đã có sự phát triển và mở rộng.

2. Bối cảnh tác động đến việc hình thành quan điểm “công nghiệp văn hóa” của Theodor W.Adorno và Max Horkheimer

Nửa đầu thế kỷ XX là một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động trên phạm vi toàn cầu. Sự thay đổi của hệ thống chính trị ở nhiều quốc gia, các cuộc chiến tranh tàn khốc cũng đồng thời diễn ra; những hệ tư tưởng mới cùng với sự phát triển đa dạng nhưng ẩn chứa nhiều mâu thuẫn trong đời sống văn hóa cũng xuất hiện. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, việc vận dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào đời sống xã hội đã tác động và tạo ra

nhều thay đổi. Sự vận động và phát triển của đời sống văn hóa ở giai đoạn này có thêm dấu ấn rõ nét với sự ra đời và phổ biến của các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, đài phát thanh, điện ảnh, âm nhạc và truyền hình - những phương tiện không chỉ truyền tải thông tin bằng âm thanh đơn thuần, mà còn kết hợp cả hình ảnh.

Từ nửa sau những năm 1920, nền văn hóa giải trí được thiết lập nhờ những thay đổi về công nghệ, sự gia tăng thời gian và không gian cho hoạt động văn hóa, cùng với đó là việc cải cách xã hội được mở rộng. Những chuyên biến trong đời sống văn hóa phản ánh những tiến bộ kỹ thuật. Điều đó được thể hiện qua số lượng và tính chất sản xuất hàng loạt của các sản phẩm văn hóa, tạo điều kiện cho việc tiếp cận và trải nghiệm các sản phẩm văn hóa, mở ra thời kỳ phát triển nền văn hóa đại chúng. Sự ra đời và phổ biến của âm nhạc, điện ảnh, phát thanh,... đã mở rộng không gian tác động của văn hóa đến đời sống xã hội. Từ đó, lối sống của cá nhân, xã hội đã có sự thay đổi đáng kể. Phim ảnh, âm nhạc, quảng cáo, thời trang,... dần tác động làm thay đổi thị hiếu và những yếu tố bên ngoài tác động đến nhận thức và hành động của cá nhân ngày một nhiều hơn.

Ở các quốc gia châu Âu, vào những năm đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ, cũng đồng thời là thời điểm xuất hiện và phát triển của Đức quốc xã. Những thành tựu của khoa học - kỹ thuật được ứng dụng ngày càng phổ biến trong đời sống xã hội. Điều đó làm cho nhận thức của con người, của xã hội có bước thay đổi lớn. Riêng trong phạm vi đời sống văn hóa, sự giao thoa giữa các nền văn hóa khác nhau ngày một phát triển. Tuy nhiên, không phải yếu tố văn hóa đến từ dân tộc hay quốc gia nào cũng được nhận định như nhau. Dù có

sự giao thoa văn hóa, nhưng mối quan hệ giữa hệ thống các nước thực dân, đế quốc với các nước thuộc địa vẫn thể hiện rõ tính áp đặt về văn hóa. Bởi vì, văn hóa phương Tây vẫn được coi là tiên bộ, văn minh hơn. Trong khi đó, sự thay đổi của điều kiện xã hội ở các quốc gia châu Âu dưới tác động của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa phát xít cho thấy hướng phát triển mạnh hơn của văn hóa truyền thống phương Tây. Đồng thời, nếu như trước đây, các sản phẩm văn hóa thường gắn liền với những người thuộc tầng lớp trên của xã hội và tính chất độc bản hay số lượng hạn chế, thì đến thời điểm này, các sản phẩm đó không phải là độc bản, số lượng khán giả mở rộng và không phải ai cũng có thể hiểu được giá trị văn hóa thực sự của các sản phẩm. Chính điều đó làm cho giá trị của văn hóa bị đánh giá thấp. Bởi vì, với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa phát xít, việc lợi dụng văn hóa để điều khiển nhận thức và hành vi của cá nhân cũng như toàn xã hội đã trở nên rõ rệt hơn.

Trong bối cảnh chung đó, riêng ở Đức, từ những năm 1920, sự xuống dốc của nền kinh tế, tình trạng thất nghiệp làm cho niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị giảm dần, do vậy trong xã hội Đức lúc đó xuất hiện những mâu thuẫn. Đến năm 1936, “ở nước Đức hiện giờ chỉ có một quyền hành, đó là quyền hành của Lãnh tụ” (William L. Shirer 1960: 276), cho nên, Hitler có cơ hội và điều kiện hiện thực hóa tư tưởng cốt lõi của mình được định hình từ thời trẻ tuổi là “chủ nghĩa quốc gia Đức, ác cảm với nền dân chủ, chủ nghĩa Mác cùng người Do Thái, và lòng tin rằng Ông Trên đã chọn giống dân Aryan, đặc biệt là người Đức, là chủng tộc ưu việt” (William L. Shirer 1960: 81). Theo đó, các hoạt động như việc tiêu diệt những kẻ chống đối, việc thống nhất và Quốc xã hóa Nhà

nước, việc đưa ra các định chế nhằm áp đặt hướng phát triển văn hóa, trấn áp tự do cá nhân, giải quyết nạn thất nghiệp,... đã định hướng được sự phát triển nền chính trị của Đức quốc xã. Với điều kiện sống o ép như vậy, nhiều học giả là người Do Thái phải tìm cách trốn khỏi sự đàn áp giới trí thức của Đức Quốc xã và tị nạn tại Hoa Kỳ. Đặc biệt là trường phái Frankfurt được thành lập năm 1923, một trong những trào lưu tư tưởng nổi bật thời kỳ đầu thế kỷ XX, một trường phái nổi tiếng với những lập luận về văn hóa đại chúng, về xã hội tư bản công nghiệp, theo quan điểm lịch sử phê phán của chủ nghĩa Mác khi hướng tới giá trị văn hóa và đời sống xã hội,... cũng phải dừng hoạt động trong thời kỳ này.

Đức quốc xã làm được điều này một phần nhờ sử dụng phương thức tuyên truyền văn hóa với sự hỗ trợ của các thành tựu công nghệ, “lần đầu tiên trong một cuộc bầu cử ở Đức mà có một đảng sử dụng phim ảnh, thêm máy hát phát ra loa đặt trên xe tải để tuyên truyền” (William L. Shirer 1960: 158). Hitler cho rằng, tuyên truyền “là thứ vũ khí thực sự khủng khiếp trong tay của một chuyên gia” (Irina Bokova & Sara Bloomfield 2016). Trong bối cảnh như vậy, Đức Quốc xã đã “triển khai các công nghệ truyền thông hiện đại thời bấy giờ, gồm cả radio và phim ảnh, để dành chiến thắng trong trận chiến tư tưởng - do đó định hình dư luận và hành vi của người dân vốn có học thức trong nền dân chủ non trẻ” (Irina Bokova & Sara Bloomfield 2016). Cho nên, các sản phẩm văn hóa được tạo ra bị định hướng theo chính trị, đồng thời, chính việc vận dụng những thành tựu về kỹ thuật với phương tiện truyền thông đã phá vỡ tính độc nhất và mở rộng tính đại chúng của các sản phẩm văn hóa. Hiện thực xã hội đương thời cho thấy rằng, “ai từng sống ở Đức những năm 1930 đều không thể quên

được sự xuống dốc của những chuẩn mực văn hóa của một dân tộc vốn đã đạt đến tầm cao trong thời gian dài” (William L. Shirer 1960: 242). Nhưng, nó đã tạo nên mặt trái đối với đời sống văn hóa trong xã hội, bởi vì những gì được truyền tải thường mang tính phổ thông và tính định hướng chính trị cực đoan, cho nên, “việc đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật trong điều kiện văn minh tư sản có nghĩa là đẩy mạnh “con mê sáng tâm thần của lý tính điên rồ”, mà hệ quả của nó chính là nạn diệt chủng của chủ nghĩa phát xít” (Nguyễn Chí Hiếu 2016: 52), cũng có thể hiểu rằng, đó là cái nhìn tiêu cực về việc sử dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại do bối cảnh phát xít đang tận dụng điều đó.

Chính hướng phát triển văn hóa đó, cùng với quan điểm và thực hiện chính sách khắt khe về chủng tộc đã buộc những người Do Thái phải rời khỏi nước Đức để tìm cho mình một nơi sống mới - nước Mỹ trở thành vùng đất hứa. Xã hội Mỹ lúc bấy giờ lại mở ra những cánh cửa tự do hơn và cũng thực dụng hơn so với các quốc gia châu Âu. Là nơi tập hợp nhiều dân tộc khác nhau, xã hội - chính trị - văn hóa Mỹ được nhận định là “vùng đất mới” của các trào lưu, là nơi tập hợp và thể hiện sự đa dạng, phong phú của các yếu tố văn hóa.

Không chỉ những người Do Thái, ngay cả những người thuộc nhiều vùng văn hóa, các dân tộc khác nhau trên thế giới cũng đến Mỹ để mong tìm được điều kiện sống tốt hơn. Do đó, đây là cơ sở để văn hóa Mỹ có sự phát triển đa dạng, vì những yếu tố văn hóa có sự đan xen, giao thoa và lồng ghép lẫn nhau. Các hình thức mới, các giá trị văn hóa mới được hình thành và vận động trong đời sống xã hội Mỹ, đồng thời, những quan điểm và đánh giá khác nhau về sự giao thoa này cũng đã diễn ra. Không phải yếu tố văn hóa nào cũng được chấp

nhận một cách dễ dàng. Một trong những điểm khác biệt của Mỹ là khả năng vận dụng nhanh chóng và mạnh mẽ các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào lĩnh vực văn hóa. Với đặc điểm văn hóa đa dạng và hỗn dung đó, giới trí thức đến từ các quốc gia khác nhau đã có những nhận định và đánh giá riêng. Với trường hợp của Adorno và Horkheimer, đó là sự phê phán, bởi vì họ lấy tiêu chuẩn văn hóa hàn lâm truyền thống phương Tây làm thước đo.

3. Vài nét về Theodore Adorno, Max Horkheimer và tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*

Theodore Adorno sinh năm 1903 tại Frankfurt (Đức) trong một gia đình khá giả. Mẹ của ông là một ca sĩ gốc Ý, cha của ông là một thương gia người Do Thái. Ông có năng khiếu về âm nhạc và có nền tảng học vấn tốt. Là người Do Thái, ông đã buộc phải tìm cách lưu vong khỏi Đức Quốc xã và chạy trốn khỏi chủ nghĩa phát xít đang lan rộng ở châu Âu. Năm 1938, ông đến New York. Quảng thời gian ở Mỹ, ông đã chứng kiến sự phát triển nhanh của việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào lĩnh vực văn hóa. Đến năm 1949, Adorno quay lại Frankfurt và đồng sáng lập Viện Nghiên cứu xã hội và tiếp thêm sinh lực cho trường phái Frankfurt. Trong thời gian ở Mỹ, Adorno đã cùng làm việc với Max Horkheimer. Hai ông đã viết tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng* (Dialectic of Enlightenment).

Max Horkheimer (1895 - 1973) cũng xuất thân trong một gia đình kinh doanh người Do Thái thuộc tầng lớp trung lưu tại Stuttgart (Đức). Nhưng, ông không đi theo truyền thống kinh doanh của gia đình, mà yêu thích nghiên cứu triết học và xã hội học. Năm 1930, ông đã là giáo sư của trường Đại học Frankfurt và trở thành viện trưởng Viện Nghiên cứu xã hội, nơi đặt nền móng cho

trường phái Frankfurt. Cũng giống các trí thức người Do Thái khác, ông đã phải sống lưu vong ở nước ngoài, ban đầu ở Thụy Sĩ và sau đó chuyển đến New York (Mỹ). Sau khi Đức Quốc xã sụp đổ, ông đã trở lại Frankfurt.

Những điểm tương đồng về xuất thân, văn hóa, tư tưởng, trải nghiệm cuộc sống,... đã tạo nên sự gặp gỡ trong nhận thức giữa Adorno và Horkheimer khi cùng đề cập đến sự vận động của văn hóa trong bối cảnh đương thời. Trên cơ sở phân tích sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, cũng như xác định vị trí và những yếu tố tác động đến văn hóa trong bối cảnh đó, quan điểm về công nghiệp văn hóa được hình thành. Quan điểm này được trình bày trong phần “Công nghiệp văn hóa: Khai sáng như một sự lừa dối quần chúng” của tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*.

Biện chứng của Khai sáng là tác phẩm viết chung của Adorno và Horkheimer vào năm 1944. Nội dung tác phẩm thể hiện quan điểm phê phán về mặt trái của sự khai sáng dẫn đến sự thống trị và áp bức xã hội theo cách thức mới. Bởi, theo hai ông, đó là quá trình giải phóng và tạo sự tự do về lý trí và khả năng tìm tòi, khám phá của con người: “khai sáng, hiểu theo nghĩa rộng nhất là sự tiến bộ của tư tưởng, luôn hướng đến mục tiêu giải phóng con người khỏi nỗi sợ hãi và đưa họ lên làm chủ. Tuy nhiên, trái đất được khai sáng đang phải đối diện với chiến thắng của các tai họa khác” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 1). Các tác giả cho rằng, sự khai sáng trong giai đoạn này dẫn đến sự hình thành xã hội “một chiều” bằng cách làm cho con người phụ thuộc vào công nghệ và khoa học qua các sản phẩm văn hóa. Theo đó, mọi người tư duy và hành động theo cùng một cách mà các sản phẩm văn hóa đang phổ biến. Đồng thời, sự phân biệt về vị trí trong xã

hội, quyền lực,... dẫn đến sự bất bình đẳng xã hội vẫn được duy trì. Hiện thực xã hội Đức lúc bấy giờ thể hiện rằng, thực tế khai sáng về “tự do” và “lý trí” đang dẫn đến hình thức thống trị và kiểm soát mới.

Trong tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*, phần nội dung “Công nghiệp văn hóa: Khai sáng như một sự lừa dối quần chúng” là một chương quan trọng và gây nhiều tranh cãi nhất. Tại đây, Adorno và Horkheimer đã thể hiện quan điểm phê phán đối với văn hóa đại chúng - hình thức văn hóa phát triển mạnh trong giai đoạn này. Theo hai ông, văn hóa đại chúng, vốn được sản xuất hàng loạt trong xã hội tư bản, không đơn thuần là phương tiện giải trí, mà đã trở thành công cụ để kiểm soát, thao túng và lừa dối quần chúng, đi ngược lại với tinh thần khai sáng đã từng có sau “đêm trường trung cổ”. Hệ quả của công nghiệp văn hóa theo hướng này là sự thụ động hóa con người, làm suy giảm khả năng tư duy phản biện. Như hai ông đã nhận định: “niềm vui luôn có nghĩa là không được nghĩ ngợi gì, quên đi đau khổ ngay cả khi nó hiện hữu. Về cơ bản, đó là sự bất lực. Đó là sự trốn chạy; không phải như người ta khẳng định, sự trốn chạy khỏi một thực tại khốn khổ, mà là trốn chạy khỏi ý nghĩ kháng cự cuối cùng” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 116). Nội dung của phần này mang tính mô tả, phác thảo các chức năng và hậu quả mà ngành công nghiệp văn hóa mang lại cho xã hội.

4. Cơ sở hình thành và nội hàm khái niệm “công nghiệp văn hóa”

Cơ sở lý luận đề Adorno và Horkheimer đưa ra nhận định về công nghiệp văn hóa trong đời sống xã hội và đời sống của con người xuất phát từ ba nền tảng chính. Đó là tư duy truyền thống phương Tây, tư tưởng của trường phái Frankfurt và lý thuyết phê

phán của C.Mác.

Giai đoạn M.Horkheimer làm viện trưởng Viện Nghiên cứu xã hội Frankfurt là giai đoạn “thay đổi định hướng hoạt động của Viện... Viện bắt đầu định hướng vào hệ vấn đề triết học xã hội, lúc đầu là theo tinh thần của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác” (Nguyễn Chí Hiếu 2024: 74). Theo đó, điểm tương đồng của trường phái Frankfurt với quan điểm của C.Mác là đều khẳng định mục tiêu vì sự phát triển của con người và xã hội. Theo quan điểm này, các điều kiện xã hội, chính trị và kinh tế sẽ giúp con người có thể thoát khỏi sự áp bức, không chỉ về mặt vật chất mà cả trên phương diện tinh thần. Chính vì vậy, trường phái Frankfurt đã chỉ ra những hệ quả nghiêm trọng của việc con người bị hạ thấp giá trị trong quá trình công nghệ hóa đời sống. Họ phê phán mạnh mẽ cách thức công nghệ không chỉ đóng vai trò như một lực lượng sản xuất chủ đạo, mà còn trở thành phương tiện tổ chức và kiểm soát xã hội. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, công nghệ đã góp phần thúc đẩy phát triển nền văn hóa đại chúng, qua đó từng bước định hình những khuôn mẫu về tư tưởng và hành vi. Nhưng, chính sự phổ biến quá nhanh và quá nhiều của các khuôn mẫu này đã làm suy giảm năng lực sáng tạo của con người.

Adorno chịu ảnh hưởng từ những tư tưởng của C.Mác về tư bản, về chủ nghĩa sùng bái vật chất, phê phán chủ nghĩa tư bản; đồng thời, chú tâm đến những vấn đề hiện đại đang tác động cuộc sống của con người. Kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác về chủ nghĩa sùng bái vật chất, Adorno và Horkheimer đều cho rằng hiện tượng này trong xã hội tư bản đã và đang biến con người trở thành nô lệ, qua vai trò của truyền thông và văn hóa đại chúng,

làm suy yếu tính cá nhân và quyền tự do của cá nhân.

Điểm chung của Adorno và Horkheimer là đều chỉ ra “tính chất cực quyền”, độc đoán của thiết chế xã hội như xã hội Đức đương thời, cũng như chế độ cầm quyền tư bản chủ nghĩa hướng theo giá trị vật chất như ở xã hội Mỹ. Với nền tảng lý luận chung đó, hai ông đã phê phán ngành công nghiệp văn hóa trên cơ sở phân tích sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và xác định vị trí của văn hóa trong cấu trúc xã hội đó. Chính vì vậy, sự thiên lệch trong cách tiếp cận của Adorno và Horkheimer - với khuynh hướng phê phán và quá nhấn mạnh đến hạn chế của công nghiệp văn hóa trong đời sống xã hội - là điều có thể lý giải. Đồng thời, hai ông còn chỉ ra sự phát triển của văn hóa đại chúng đương thời trên cơ sở thương mại hóa, sản xuất hàng loạt đã làm suy giảm tính sáng tạo của con người và làm lu mờ tính hàn lâm và độc bản của các sản phẩm văn hóa.

Như vậy, quan điểm về “công nghiệp văn hóa” của Adorno và Horkheimer được hình thành từ nhận định và đánh giá trên nền tảng tư tưởng cá nhân về giá trị của văn hóa được thể hiện qua những tinh hoa văn hóa với những sản phẩm vốn “độc bản” của nó. Tuy nhiên, quan điểm này cũng phần nào phản ánh một cách nhìn thiên lệch, sự đánh giá chưa đúng mức về năng lực tiếp nhận, thẩm thấu giá trị nghệ thuật và khả năng tham gia vào đời sống văn hóa của đại bộ phận công chúng. Cho nên, sự phê phán đối với công nghiệp văn hóa của Adorno và Horkheimer chủ yếu hướng đến phê phán các hình thức văn hóa đại chúng đương thời - gắn liền với hoạt động kinh doanh và giải trí.

Trên nền tảng cơ sở lý luận, cùng với việc nhận thấy những mâu thuẫn nhất định trong sự phát triển văn hóa giai đoạn này,

cũng như bắt mắt với sự vận động của xã hội Đức và Mỹ lúc bấy giờ đang tác động vào văn hóa, Adorno và Horkheimer đã đưa ra quan điểm về “công nghiệp văn hóa”.

Về *nội hàm*, “công nghiệp văn hóa” được nhận định là một lĩnh vực sản xuất của thế kỷ XX, trong đó văn hóa bị biến thành hàng hóa, được sản xuất hàng loạt nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Công nghiệp văn hóa không hướng tới việc tạo ra những sản phẩm độc đáo hay có giá trị tinh thần đích thực, mà chú trọng đến sự đồng nhất, tính lặp lại và khả năng tiêu thụ đại trà. Những sản phẩm này không quan tâm đến giá trị tinh thần thực sự mà chúng mang lại cho sự tồn tại của con người. Điều này được hai ông lặp lại nhiều lần trong tác phẩm, khi nhận định về các hoạt động, sản phẩm được xếp vào ngành công nghiệp văn hóa, như: “điện ảnh và radio không còn cần tự nhận mình là nghệ thuật nữa. Sự thật là chúng chỉ là công việc kinh doanh được sử dụng như một hệ tư tưởng để hợp pháp hóa thứ rác rưởi mà chúng cố tình tạo ra” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 95). Theo đó, việc ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ vào lĩnh vực văn hóa là một tất yếu. Song, việc ứng dụng này được triển khai trong bối cảnh đầu thế kỷ XX lại phản ánh mâu thuẫn trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bởi vì, thay vì nâng cao giá trị con người, công nghiệp văn hóa lại có xu hướng làm suy giảm tính sáng tạo, biến con người trở thành đối tượng tiêu thụ bị động. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và kỹ thuật thời điểm đó đã tác động mạnh đến văn hóa, biến văn hóa trở thành một loại sản phẩm, một loại hàng hóa có giá trị vật chất. Thực tế cho thấy rằng, việc quá chú trọng vào khai thác các kết quả của khoa học hiện đại

đã làm giảm đi vai trò của nghiên cứu lý thuyết và tư duy phản biện.

Adorno và Horkheimer nhận định rằng, “tất cả các sản phẩm của công nghiệp văn hóa, ngay cả những sản phẩm có vẻ khác biệt, đều chỉ là những biến thể của cùng một khuôn mẫu” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 95). Theo đó, các sản phẩm văn hóa không còn thể hiện sự sáng tạo độc đáo với cá tính riêng của tác giả, mà được sản xuất hàng loạt theo những tiêu chuẩn, công thức và khuôn mẫu nhất định. Mục tiêu chính của quá trình sản xuất ấy là lợi nhuận. Hai ông cho rằng, “mọi thứ chỉ được nhận thức từ quan điểm rằng, nó có thể phục vụ những thứ khác, dù thứ khác đó có thể được hình dung mơ hồ đến đâu. Mọi thứ chỉ có giá trị trong chừng mực nó có thể được trao đổi, chứ không phải trong chừng mực giá trị tự thân của nó. Đối với người tiêu dùng, giá trị sử dụng của nghệ thuật, bản chất của nó, là một vật sùng bái, và vật sùng bái đó - sự đánh giá xã hội mà họ nhầm lẫn với giá trị của các tác phẩm nghệ thuật - trở thành giá trị sử dụng duy nhất của nó, phẩm chất duy nhất mà họ được hưởng” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 128).

5. Những biểu hiện tiêu cực của công nghiệp văn hóa

Trên cơ sở phê phán lý tính khai sáng, Adorno và Horkheimer đã chỉ ra bản chất của quá trình tư bản hóa ngành công nghiệp văn hóa. Theo các ông, văn hóa đã bị biến thành nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, trở thành một lĩnh vực vận hành chủ yếu vì mục tiêu lợi nhuận kinh tế, thay vì hướng đến phát triển chính văn hóa và giữ gìn giá trị của văn hóa trong đời sống con người cũng như giá trị tái sản xuất không định lượng được của văn hóa. Hệ quả là “ngành công nghiệp văn hóa liên tục lừa dối người tiêu dùng về những gì

họ hứa hẹn” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 118).

Công nghiệp văn hóa tạo nên những sản phẩm văn hóa theo những quy chuẩn được định sẵn, “đã xóa bỏ những thứ rác rưởi của thời trước bằng cách áp đặt sự hoàn hảo của chính mình, bằng cách cấm đoán và trói buộc sự đam mê” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 108). Hệ quả là làm giảm tính sáng tạo, tính phân biệt của tư duy con người. Adorno và Horkheimer ám chỉ đến những sản phẩm văn hóa mang hình thức hàng hóa, nghệ thuật bị biến thành hàng hóa. Cho nên, những hình thức âm nhạc phổ biến đương thời như nhạc Jazz hay nhạc Pop bị phê phán vì tính chất lặp đi lặp lại, thiếu sự sắp xếp hài hòa, không phản ánh được hiện thực khách quan, trái ngược với hình thức âm nhạc truyền thống phương Tây – vốn “chứa đựng những xu hướng khách quan chống lại phong cách mà chúng thể hiện” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 103). Hay, trong lĩnh vực phim ảnh, các bộ phim thường tuân theo những mô típ quen thuộc với tuyến nhân vật và cách giải quyết vấn đề đơn giản, theo hướng chấp nhận giá trị xã hội đương thời, kể cả khi có sự phân biệt xã hội như trong xã hội dưới chế độ Đức quốc xã. Theo các ông, “khán giả không cần phải có suy nghĩ của riêng mình: sản phẩm chỉ ra từng cách hành động, không thể hiện bất kỳ sự mạch lạc thực tế nào... Bất kỳ kết nối logic nào giả định năng lực tinh thần đều bị né tránh một cách cẩn thận” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 109).

Các hiện tượng văn hóa luôn là một phần của tổng thể xã hội. Cho nên, các sản phẩm của ngành công nghiệp văn hóa phải được xem xét trong mối liên hệ với các sản phẩm tiên phong của văn hóa đương thời, nhất là hình thức quảng cáo. Adorno và Horkheimer nhận định rằng,

quảng cáo là một công cụ quan trọng của công nghiệp văn hóa và hệ quả là tạo ra những nhu cầu giả tạo, khuyến khích tăng mua, tăng giá trị sử dụng của hàng hóa như khẳng định địa vị xã hội, sự giàu có vật chất,... Cho nên, “việc anh hùng hóa những người bình thường là một phần của sự sùng bái rẻ tiền. Những ngôi sao được trả lương cao nhất thì cũng như quảng cáo cho những hàng hóa vô danh” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 126). Do đó, muốn nhận diện văn hóa và đời sống tinh thần của con người trong giai đoạn này thì cần coi văn hóa đại chúng là phương tiện để giải mã “bản chất của xã hội”, quan tâm đến đặc tính hình thức của sản phẩm văn hóa, trải nghiệm thẩm mỹ, “mỗi biểu hiện riêng lẻ của ngành công nghiệp văn hóa đều không thể tránh khỏi việc tái tạo con người như những gì xã hội đã tạo ra họ” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 100).

Các sản phẩm của công nghiệp văn hóa, chủ yếu mang lại cho con người giá trị giải trí đơn thuần. Adorno và Horkheimer nhận định: “sự giải trí thời kỳ chủ nghĩa tư bản muộn là sự kéo dài công việc. Người ta tìm kiếm nó như một cách thoát khỏi sự cơ giới hóa quá trình làm việc và tái tạo sức khỏe để có thể đối phó với nó một lần nữa” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 109). Adorno cho rằng, giải trí mà công nghiệp văn hóa mang lại thường chỉ là trốn thoát tạm thời khỏi những vấn đề thực tế của cuộc sống. Nó không khuyến khích suy tư hay hành động để thay đổi thực tại. Cho nên, khi ngành công nghiệp văn hóa được phát triển theo hướng này sẽ dễ dàng đạt được hiệu quả là lừa dối người tiêu dùng.

Từ thực tế xã hội Đức đương thời,

Adorno và Horkheimer chỉ ra rằng, công nghiệp văn hóa có thể định hình dư luận và tạo ra sự đồng thuận đối với những quan điểm và giá trị được truyền tải, “ngành công nghiệp văn hóa bị tha hóa vì nó không như một cái hồ tội lỗi mà như một thánh đường của sự thỏa mãn” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 114). Các phương tiện truyền thông đại chúng có thể tập trung vào một số vấn đề nhất định và bỏ qua các vấn đề khác theo một góc nhìn nhận và đánh giá cụ thể, ảnh hưởng đến cách họ nhận được thông tin.

Hệ quả mà các sản phẩm công nghiệp văn hóa mang lại là làm cho con người trở thành “cá nhân giả” và họ chỉ là những điểm tập hợp các khuynh hướng chung gặp nhau: “trong ngành công nghiệp văn hóa, sự tôn trọng đang biến mất cùng với sự chỉ trích: sự tôn trọng nhường chỗ cho máy móc hóa, sự tôn trọng nhường chỗ cho sự sùng bái người nổi tiếng. Đối với người tiêu dùng, không có gì là đáng giá nữa. Tuy nhiên, họ lờ mờ nhận ra rằng một thứ càng ít tốn kém thì nó càng không thể là một món quà đối với họ” (Max Horkheimer, Theodor W.Adorno 2002: 103).

6. Một số đánh giá xoay quanh quan điểm của Adorno và Horkheimer về “công nghiệp văn hóa”

Khi ra đời, thuật ngữ “công nghiệp văn hóa” do Adorno và Horkheimer đề xuất mang hàm ý phê phán, nhằm nhấn mạnh những tác động tiêu cực của nó đến đời sống tinh thần của con người. Tuy nhiên, trong các lập luận được thể hiện trong tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*, hai ông chủ yếu dựa trên kết quả nghiên cứu định lượng mang tính chất chủ quan, như trải nghiệm thực tế cá nhân hay phỏng vấn. Do vậy, nội hàm khái niệm “công nghiệp

văn hóa” được đề cập đến mang tính chủ quan và thể hiện cách nhìn một chiều, có phần nào đó thể hiện định kiến văn hóa. Bởi vì, thước đo để nhận định và đánh giá không mang tính khách quan, tính quy luật của đời sống xã hội, mà dựa trên tiêu chuẩn đối sánh với những giá trị văn hóa phương Tây truyền thống. Việc đối sánh văn hóa này diễn ra như một tất yếu vì điều kiện xuất phát điểm của Adorno và Horkheimer. Phương Tây là một trong những khu vực có tư tưởng, văn hóa phát triển sớm và có chiều dài lịch sử. Trong khi đó, châu Mỹ chưa phát triển tương đương, lại mang tính chất hỗn dung nhiều chủng tộc, văn hóa. Tình trạng cạnh tranh để giành quyền thống trị trở thành đương nhiên, trong đó, quyền thống trị về văn hóa sẽ định hình các mặt khác trong đời sống xã hội.

Quan niệm của Adorno và Horkheimer về công nghiệp văn hóa được xây dựng trên nền tảng lý luận phê phán chủ nghĩa tư bản theo quan điểm của chủ nghĩa Mác. Trên cơ sở phê phán các hiện tượng thực tiễn trong xã hội đương thời dưới tác động của việc vận dụng kết quả của khoa học - kỹ thuật vào đời sống văn hóa xã hội, cũng như tính tự tôn của tầng lớp tinh hoa, hai ông có cái nhìn thái quá về những thành tựu khoa học khi đi vào đời sống xã hội, cho rằng “cách mạng khoa học - kỹ thuật được nhìn nhận là quá trình làm cạn cỗi, giết chết giới tự nhiên và sản xuất, con người và xã hội bởi chính bản thân con người” (Nguyễn Chí Hiếu 2016: 53).

Trong tác phẩm *Biện chứng của Khai sáng*, Theodor Adorno và Max Horkheimer không chỉ đề cập đến lĩnh vực điện ảnh mà còn nói đến cả thực trạng của văn hóa đại chúng đương thời. Theo các ông, việc con người dễ dàng thỏa mãn với những sản phẩm văn hóa đại chúng do

các phương tiện truyền thông đại chúng truyền tải có thể mang lại cảm giác thư giãn và quên đi những vất vả, tình trạng kinh tế khó khăn của mình. Tuy nhiên, ẩn sau đó là một nguy cơ nghiêm trọng: công nghiệp văn hóa nuôi dưỡng tâm lý sai lầm rằng có thể hài lòng và thỏa mãn với những sản phẩm giải trí. Sự phát triển của văn hóa được kết hợp với các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và công nghệ sẽ có những tác động nhất định đến đời sống xã hội, kể cả về chính trị cũng như phát triển tồn tại người. Sự gia tăng năng suất kinh tế tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu sống của con người và xã hội, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ bị một nhóm lợi ích chiếm hữu, kiểm soát và định hướng xã hội. Việc tiếp xúc liên tục với những sản phẩm văn hóa tương tự nhau như vậy làm giảm khả năng tư duy độc lập, vì tính chất bắt chước. Việc chỉ ra những hạn chế đó cũng chính là chỉ ra những bài học mà hiện tại cần tránh để phát triển xã hội, phát triển con người đúng hướng.

7. Kết luận

Adorno và Horkheimer đã đưa ra thuật ngữ mới về văn hóa xuất phát từ chính thực tế đời sống xã hội, đời sống tinh thần của con người. Dù rằng, những lập luận được triển khai trên cơ sở lý luận khá rõ ràng, song, cách tiếp cận mang tính chủ quan cùng phương pháp đánh giá mang nặng tính phê phán đã khiến cho quan điểm của các ông thiên về chiều hướng tiêu cực. Dù vậy, quan điểm này đã thể hiện khá rõ nét thái độ của Adorno và Horkheimer đối với vấn đề văn hóa mới nảy sinh, nhất là đối với những sản phẩm có hình thức và cách thể hiện mới. Với sự hỗ trợ của công nghệ, nhiều người được tiếp cận với những giá trị văn hóa, đồng thời hình

thành nên những hình thức và tác phẩm nghệ thuật mới. Tuy nhiên, điều đáng chú ý mà Adorno và Horkheimer đã chỉ ra là mặt trái của công nghiệp văn hóa – tác động tiêu cực đến tồn tại người, làm xói mòn năng lực tư duy độc lập, tính sáng tạo. Đây là một cảnh báo có giá trị thực tiễn, đặc biệt trong quá trình phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Phú Trọng. 2021. “Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc”. *Báo điện tử Chính phủ* (<https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc-102304394.htm>).

2. Irina Bokova & Sara Bloomfield. 2016. “Did Goebbels Win?”. Nguyễn Thị Kim Phụng dịch. (<https://nghiencuuquocte.org/2016/02/11/suc-manh-tuyen-truyen-tu-duc-quoc-xa-toi-isis/>).

3. Nguyễn Chí Hiếu. 2016. “Lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 5: 47-54.

4. Nguyễn Chí Hiếu. 2024. “Một số nội dung tư tưởng của trường phái Frankfurt và gợi mở đối với Việt Nam”, *Triết học và đời sống*, 3, 74-81.

5. Max Horkheimer, Theodor W. Adorno. 2002. *Dialectic of Enlightenment*. California: Stanford University Press. [Max Horkheimer, Theodor W. Adorno. 2002. *Biện chứng của Khai sáng*. California: Stanford University Press].

6. William L. Shirer. 1960. *The rise and fall of the third reich: A History of Nazi Germany*. New York: Simon and Schuster. [William L. Shirer. 1960. *Sự trỗi dậy và suy tàn của đế chế thứ ba: Lịch sử Đức quốc xã*. New York: Simon and Schuster].